TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ trụ sở chính: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D:

1. Ông Hoàng Anh T – Phó Giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ; vắng mặt

2. Ông Đỗ Thành Tr – Phó Giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ; vắng mặt

3. Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân; vắng mặt

(Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2018)

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn A:

1. Anh Ma Quang M - Cán bộ xử lý nợ; vắng mặt

2. Anh Quách Văn T1 - Cán bộ xử lý nợ; có mặt

Đều ở địa chỉ: quận Th, thành phố Hà Nội

(Văn bản ủy quyền số 742/2018/UQ-VPB ngày 17 tháng 4 năm 2018)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D; địa chỉ trụ sở chính: Thôn P, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn U – Giám đốc; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn U, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 010317-864491-01-SME ngày 02 tháng 03 năm 2017 và khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty trách nhiệm hữu hạn D (sau đây gọi tắt là Công ty D) vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với tổng số tiền là 199.267.200 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán tiền phụ tùng ô tô; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 22.35%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 14%/năm, đến kỳ điều chỉnh lãi suất, bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận và không phải báo cho bên vay; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, hai bên đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 010317-864491-01-SME/HĐBL theo đó, ông Hoàng Văn U đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty D

trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2017. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty D phải trả Ngân hàng tổng số tiền là: 195.229.061 đồng trong đó nợ gốc: 154.021.723 đồng, nợ lãi: 39.082.326 đồng và tiền phạt chậm trả: 2.125.012 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả là 195.229.061 đồng tính đến ngày 22 tháng 11 năm 2018.

- Trong trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị buộc ông Hoàng Văn U có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty D toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp Công ty D, ông Hoàng Văn U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty D, ông Hoàng Văn U để thu hồi khoản nợ vay.

Trong văn bản ngày 18 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Hoàng Văn U thừa nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, phụ lục hợp đồng để vay vốn như Ngân hàng đã trình bày. Đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông U đề nghị trả nợ gốc cho Ngân hàng mỗi tháng là 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và đề nghị Ngân hàng miễn giảm khoản nợ lãi, tiền phạt chậm trả cho Công ty D do công ty không còn hoạt

động và không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Ông U có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Đối với yêu cầu Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi và lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng thì thấy Hợp đồng tín dụng giữa Công ty D và Ngân hàng đã ký kết theo đúng quy định về Hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc cho vay tiền của Ngân hàng và áp dụng mức lãi suất phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều13Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Bên vay tiền là Công ty D đã được Ngân hàng giải ngân đủ số tiền trên theo khế ước nhận nợ số 010317-864491-01-SME ngày 03/3/2017. Từ ngày 27/11/2017, Công ty U đã không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng và Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

+ Đối với yêu cầu buộc ông U có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty D trong trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng: Theo Hợp đồng bảo lãnh, ông U đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty D trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty D với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty D và Ngân hàng bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Nghĩa vụ bảo

lãnh phát ính khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng từ ngày 27/11/2017, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty D trả nợ, gốc, lãi, phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng và các hợp đồng có liên quan khác đã ký kết, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng V buộc Công ty D phải thanh toán cho toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký thì thấy:

Ngày 02 tháng 3 năm 2017, Ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng số 010317-864491-01-SME với bên vay là Công ty D, số tiền vay là 200.000.000 đồng. Theo khế ước nhận nợ lần 01 số 010317-864491-01-SME ngày 03 tháng 3 năm 2017 thì ngân hàng đã cho Công ty D vay số tiền là 199.267.200 đồng. Xét

về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty tại thời điểm xác lập đều phù hợp với quy định của pháp luật, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty D đã thừa nhận số nợ đã vay của Ngân hàng, số tiền đã trả cho Ngân hàng và không có ý kiến gì về việc vay nợ. Ông Hoàng Văn U đề nghị được trả cho Ngân hàng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng mỗi tháng đối với khoản nợ gốc, còn đối với khoản nợ lãi, tiền phạt chậm trả đề nghị Ngân hàng miễn giảm cho Công ty nhưng Ngân hàng không đồng ý. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

Tính đến ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty D phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 154.021.723 đồng, nợ lãi là 39.082.326 đồng và tiền phạt chậm trả là 2.125.012 đồng, do đó Công ty D còn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 195.229.061 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu buộc ông Hoàng Văn U có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty D toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên trong trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì thấy: Tại Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết, Ngân hàng và ông Hoàng Văn U đã thống nhất ông U là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh là Công ty D thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty đối với Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang khi Công ty thực không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết. Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng bảo lãnh giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện để đảm bảo cho khoản vay, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các điều 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó yêu cầu của Ngân hàng cần được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thì thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận quy định tại Điều 2, Điều 7 Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên và

phù hợp với các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Trong trường hợp Công ty D, ông Hoàng Văn U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty D, ông Hoàng Văn U để thu hồi khoản nợ vay. Đối với yêu cầu trên thuộc cơ quan thi hành án giải quyết khi bản án có hiệu lực pháp luật không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nên không chấp nhận.

[3] Về án phí: Công ty TNHH U phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 145, 147, điểm b, d khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 335, 336, 339, 340, 342, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

1.1. Buộc Công ty TNHH U phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền 195.229.061 đồng trong đó nợ gốc: 154.021.723 đồng, nợ lãi: 39.082.326 đồng và phạt chậm trả 2.125.012 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty TNHH U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền phạt chậm trả lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

1.3. Ông Hoàng Văn U có nghĩa vụ trả các khoản nợ thay cho Công ty TNHH U trong trường hợp Công ty TNHH U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Công ty TNHH U phải chịu 9.761.453 đồng án phí kinh doanh thương mại. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 3.945.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007132 ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/11/2018. Công ty TNHH U, ông Hoàng Văn U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng